

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS - ST
Ngày: 16/01/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Năng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Bửu Khánh

2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2021/TLST - DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ

Người đại diện ông Ngô Hoàng Đ – Sinh năm: 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của ông Đ: Chị Ngô Thị Như T (Có mặt); Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Trương Văn C (vắng mặt), bà Nguyễn Thị Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Như T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ là cửa hàng bán vật tư nông nghiệp tại khu phố 4, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trước năm 2013 ông C, bà Đ bắt đầu mua vật tư nông nghiệp. Việc mua bán có

theo dõi trên sổ sách, trả tiền mặt và thiếu lại theo từng giai đoạn. Tính đến ngày 11/3/2013 vợ chồng ông C - bà Đ đã mua và nợ lại số tiền 104.000.000 đồng. Nay Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ yêu cầu ông C - bà Đ trả số tiền nợ trên và phải trả tiền lãi, kể từ ngày 11/6/2013 cho đến ngày xét xử, theo mức lãi suất pháp luật qui định. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay tôi đại diện Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất của số tiền 104.000.000 đồng, tiền lãi bắt đầu tính từ ngày 22/6/2018 tức là thời điểm vụ việc được đưa ra giải quyết tại Ban lãnh đạo ấp Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo mức

Tại bản khai ngày 23/10/2020 bà Đ tự khai như sau:

Bà xác định số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng vật tư Ngô Hoàng Đ là 104.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có ý kiến như sau: Bà thừa nhận và đồng ý trả số tiền nợ là 104.000.000 đồng nhưng chia ra từng lần trả, cách 4 tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Về tiền lãi, đề nghị phía nguyên đơn xem xét giảm tiền lãi.

Theo biên bản lấy lời khai ông C ngày 04/12/2020:

Ông C thừa nhận còn nợ số tiền mua thiếu vật tư nông nghiệp của Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ là 104.000.000 đồng nhưng ông cho rằng số vật tư nông nghiệp mà Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ giao cho ông là sản phẩm giả, dẫn đến ruộng dưa của ông gieo cấy bị thiệt hại toàn bộ, không thu hoạch được. Nay ông chỉ đồng ý trả $\frac{2}{3}$ số tiền gốc. Riêng lãi suất phát sinh ông đề nghị nguyên đơn xóa hết không tính.

Quan điểm của Kiểm sát viên về trình tự giải quyết án và nội dung vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thể:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về HĐ mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015, thuộc quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ông Ngô Hoàng Đ yêu cầu ông C - bà Đ trả 104.406.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, Thẩm phán đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự và đưa đầy đủ những người này tham gia tố tụng đúng quy định theo Điều 68 BLTTDS 2015. Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 BLTTDS 2015. Thẩm phán tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự với nhau chưa đúng quy định từ Điều 208 đến Điều 211 BLTTDS 2015. Cụ thể chưa đúng theo quy định tại Điều 209 BLTTDS 2015.

- Về trình tự thụ lý vụ án, thủ tục cấp tổng đạt: Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 175; 177; 178; khoản 1 - Điều 195; 196 của BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa thực hiện đúng các qui định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, 71 của BLTTDS. Riêng bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình Điều 70, 72 của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, hợp đồng mua bán là do các bên tự thỏa thuận với nhau, ông Đ có bán vật tư nông nghiệp cho ông C, bà Đ với số tiền 104.406.000đ. Tại bản khai của bà Đ và tại biên bản lấy lời ông C thừa nhận rằng còn nợ ông Điệp với số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 104.406.000 đồng nhưng ông C cho rằng số vật tư nông nghiệp cửa hàng giao cho ông là thuốc giả nhưng ông không có trình báo chính quyền địa phương mà đến khoảng 01 tuần sau khi thấy tình hình trái dưa hầu không thể bán được đúng vụ tết nguyên đán nên ông mới báo chính quyền địa phương nhưng họ không lập biên bản. Đến ngày 22/6/2018 Ban lãnh đạo ấp Vĩnh Thanh có mời hai bên lên hòa giải bà Đ cũng thừa nhận còn thiếu nợ gốc nêu trên và yêu cầu được trả mỗi năm 20.000.000 đồng nhưng đại diện của cửa hàng không đồng ý. Xét thấy việc ông C cho rằng số vật tư nông nghiệp cửa hàng giao cho ông là thuốc giả làm dẫn đến hoa màu chậm phát triển nhưng ông không trình báo mà đến khi thu hoạch ông mới trình báo, đây chỉ là lời khai nại không có cơ sở để xem xét. Tại phiên tòa hôm nay đại diện phía nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu tính lãi cụ thể chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 22/6/2018 cho đến khi kết thúc vụ kiện. Xét thấy việc rút yêu cầu tính lãi này không trái quy định pháp luật và tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những chứng cứ nêu trên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 36, 39, 244 BL TTDS; Điều 11, 440 BL Dân sự 2015, Khoản 1 Điều 1147; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận một phần và đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể:

Buộc ông C, bà Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Hoàng Đ số tiền 104.406.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 22/6/2018 cho đến ngày xét xử.

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ từ ngày 11/6/2013 đến ngày 22/6/2018 theo mức lãi suất pháp luật qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn C - bà Nguyễn Thị Đ phải trả tiền vật tư nông nghiệp, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Cản - bà Đ là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. ông C - bà Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác định: Trước năm 2013 cho đến ngày 11/6/2013 hai bên thực hiện giao dịch mua bán tài sản là vật tư nông nghiệp. Tính đến ngày 11/6/2013 ông C - bà Đ còn nợ Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ số tiền là 104.000.000 đồng. Tuy nhiên quá trình làm việc với bị đơn ông C cho rằng số vật tư nông nghiệp mà cửa hàng Ngô Hoàng Đ bán cho ông là sản phẩm giả nên khi bón cây trồng không đem lại năng suất và gây thiệt hại cho ông nên chỉ đồng ý trả $\frac{2}{3}$ số tiền còn nợ. Xét thấy việc ông C trình bày như trên được xem là yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn. Để đảm bảo cho việc giải quyết vụ kiện đúng pháp luật, ngày 05/12/2021 Tòa án có thông báo số 25/2020/TB-TA, về việc yêu cầu ông C làm đơn phản tố yêu cầu bù trừ nghĩa vụ của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thời hạn làm đơn là 15 ngày. Nhưng hết thời hạn theo thông báo ông C không thực hiện nên Tòa án không xem xét.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với tiền gốc 104.000.000 đồng còn nợ đã được các bên thừa nhận với nhau nên có đủ căn cứ cho rằng bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền trên. Riêng đối với tiền lãi phát sinh từ nợ gốc, tại phiên tòa chị Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông C - bà Đ phải trả lãi từ ngày 22/6/2018 theo mức pháp luật qui định đối với hợp đồng mua bán. Tuy nhiên ông C - bà Đ đề nghị nguyên đơn giảm, xóa lãi. Đối với yêu cầu này không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Xét thấy yêu cầu tính lãi trên là có căn cứ, thời gian yêu cầu tính lãi (từ ngày 22/6/2018) cho đến nay là trong thời hiệu khởi kiện vụ án. Tuy nhiên các bên không thỏa thuận được mức lãi suất áp dụng nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng mức lãi suất 09%/ năm phù hợp theo quy định tại Điều 305 của Bộ luật Dân sự năm 2005 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cụ thể, từ ngày 22/6/2018 cho đến ngày xét xử ngày 16/01/2022 là 1.304 ngày. Cách tính như sau: $104.000.000 \text{ đồng} \times 09\% \times 1.304 \text{ ngày} / 365 \text{ ngày} = 33.439.561 \text{ đồng}$, làm tròn là 33.440.000 đồng.

Từ những nhận định nêu trên và xem xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử buộc ông C - bà Đ phải có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ: Tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ là 104.000.000 đồng và tiền lãi là 33.440.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của số tiền nợ gốc 104.000.000 đồng, kể từ ngày 11/6/2013 cho đến ngày 22/6/2018, theo mức lãi suất pháp luật qui định. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên là tự nguyện, không trái pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi từ

ngày 11/6/2013 đến ngày 22/6/2018 theo mức lãi suất pháp luật qui định là phù hợp với khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.225.000 đồng.

Ông Cần - bà Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch tương ứng với yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ được chấp nhận là: 104.000.000 đồng + 33.440.000 đồng = 137.440.000 đồng x 5% = 6.872.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ về việc tranh chấp hợp đồng mua bán với ông Trương Văn C - bà Nguyễn Thị Đ. Buộc ông C - bà Đ phải có trách nhiệm trả cho Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ các khoản tiền, cụ thể như sau:

Tiền vốn mua vật tư nông nghiệp là 104.000.000 đồng (một trăm linh bốn triệu đồng) và tiền lãi là 33.440.000 đồng (ba mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi từ ngày 11/06/2013 cho đến ngày 22/6/2018 theo mức lãi suất pháp luật qui định.

2. Về án phí: Trả cho Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 4.225.000 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), do chị Ngô Thị Như T nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5571 ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông Trương Văn C - bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.872.000 đồng (sáu triệu tám bảy mươi hai nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Hộ kinh doanh Ngô Hoàng Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 16/01/2022. ông C - bà Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**